

**Phụ lục XV
Appendix XV**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ/CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN
REPORT ON RESULTS OF TRANSACTION IN SHARES/FUND CERTIFICATES/COVERED WARRANTS OF INTERNAL PERSON AND AFFILIATED PERSON**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

**CÔNG TY CỔ PHẦN SEAREFICO
SEAREFICO CORPORATION**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**CÔNG TY
CỔ PHẦN
SEAREFICO**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ
PHẦN SEAREFICO
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ
PHẦN SEAREFICO, L=QUẬN TÂN
BÌNH, ST=HỒ CHÍ MINH, UID=
MST:0301825452
Reason: I am the author of this
document
Location:
Date: 2026.10.07 13:39:33+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.0

**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 10 năm 2026
Ho Chi Minh City, 07..Oct. 2026

BÁO CÁO / REPORT

Kết quả giao dịch cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

Report on Results of Transaction in Shares/Fund Certificates/Covered Warrants of Internal Person and Affiliated Persons of Internal Person

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh;
- Công ty Cổ phần Searefico.

To:

- The State Securities Commission;
- Ho Chi Minh Stock Exchange;
- Searefico Corporation.

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch/*Information on individual/organization conducting the transaction:*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức/*Name of individual/organisation:* Nguyễn Khoa Đăng
- Quốc tịch/*Nationality:* Việt Nam/*Vietnamese*
- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/*Number of ID card/passport (in case of an individual) or number of Business Registration Certificate, Operation License or equivalent legal document (in case of an organisation), date of issue, place of issue:*
- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/*Contact address/address of head office:*
- Điện thoại/*Telephone:* ; Email: ; Website: <https://searefico.com/>

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ (nếu có) hoặc mối quan hệ với công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/*Current position in the public company, the fund management company (if any) or relationship with the public company, the fund management company*: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc / *Member of the Board of Directors and Chief Executive Officer*.

- Chức vụ tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ tại ngày đăng ký giao dịch (nếu có/*position at the public company, the fund management company on the registration date (if any)*: và ngày không còn là người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ: (nêu rõ lý do)/*and the date when he/she is no longer an internal person or affiliated person of internal person of the public company, the fund management company (specify the reason)*: Không áp dụng – chức vụ không thay đổi theo thông báo đăng ký / *Not applicable – no change of position stated in the registration notice*.

*: Mục này chỉ dành cho trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký không còn là người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/*This item is only for cases in which the person subject to registration, after the trading registration, is no longer the internal person or affiliated person of internal person of the public company, fund management company*.

2. Thông tin về người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng là người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng)/*Information on the internal person of the public company/public fund who is an affiliated person of individual/organization conducting transaction (in case the person who conducts the transaction is the affiliated person of internal person of the public company/public fund)*:

- Họ và tên người nội bộ/*Name of internal person*: Không áp dụng / *Not applicable*

- Quốc tịch/*Nationality*: Không áp dụng / *Not applicable*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước/*ID card/Passport No.*: Không áp dụng / *Not applicable*

- Địa chỉ thường trú/*Permanent address*: Không áp dụng / *Not applicable*

- Điện thoại liên hệ/*Telephone*: ... Fax: ... Email: ... Không áp dụng / *Not applicable*

- Chức vụ tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ tại ngày cá nhân/tổ chức nêu tại mục 1 đăng ký giao dịch/*Position in the public company, the fund management company on the date when the individual/organisation mentioned in item 1 registers for the transaction*: Không áp dụng / *Not applicable*

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/*Current position in the public company, the fund management company*: Không áp dụng / *Not applicable*

- Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ/ *Relationship of individual/organisation executing transaction with internal person*: Không áp dụng / *Not applicable*

- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có)/*Number, ownership percentage of shares/fund certificates/covered warrants held by the internal person (if any)*: Không áp dụng / *Not applicable*

3. Mã chứng khoán giao dịch/*Securities code*: SRF

Mã chứng khoán cơ sở (đối với chứng quyền có bảo đảm)/*Underlying securities code (in case of covered warrants)*: Không áp dụng / *Not applicable*

4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm nêu tại mục 3/*Trading accounts having shares/fund certificates/covered warrants as mentioned at item 3*:

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/ *Number, ownership percentage of shares/fund certificates/covered warrants held before the transaction*: 1.002.000 cổ phiếu / *shares* (2,82%)

Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở (nêu tại mục 3) nắm giữ trước khi thực hiện chứng quyền có bảo đảm (đối với chứng quyền có bảo đảm)/*Number, ownership percentage of underlying securities (as mentioned at item 3) held before trading the covered warrants (in case of covered warrants)*: Không áp dụng / *Not applicable*

6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng /*Number of shares/fund certificates/covered warrants registered to purchase/sell/present/be presented/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred*:

- Loại giao dịch đăng ký (mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/ chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng)/*Type of transaction registered (to purchase/sell/present/be presented /donate/be donated/inherit/transfer/be transferred)*: Mua / *Purchase*

- Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đăng ký giao dịch/*Number of shares/fund certificates/covered warrants registered for trading*: 802.000 cổ phiếu / *shares*

7. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đã giao dịch (mua /bán/ cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi)/*Number of shares/fund certificates/covered warrants being traded (purchase/sell/present/be presented/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred/swap)*.

- Loại giao dịch đã thực hiện (mua/ bán/ cho/ được cho/ tặng/ được tặng/ thừa kế/ chuyển nhượng/ nhận chuyển nhượng/ hoán đổi)/ *Type of transaction executed (to purchase/sell/present/be presented/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred/swap)*: Mua / *Purchase*

- Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đã giao dịch/ *Number of shares/fund certificates/covered warrants traded*: 802.000 cổ phiếu / *shares*

8. Giá trị đã giao dịch (tính theo mệnh giá)/*Value of the executed transaction (calculated based on par value)*: 8.020.000.000 đồng / *VND*

Giá trị chứng quyền có bảo đảm (theo giá phát hành gần nhất) đã giao dịch/ *Value of covered warrants traded (at the latest issuing price)*: Không áp dụng / *Not applicable*

9. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch của người thực hiện giao dịch/*Number, ownership percentage of shares/fund certificates/covered warrants after the transaction held by the person conducting the transaction*: 1.804.000 cổ phiếu / *shares*, tương ứng / *equivalent to* 5,07%.

Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ sau giao dịch của người thực hiện giao dịch và người có liên quan / *Number and percentage of shares held after the transaction by the reporting person and affiliated persons*: Chưa có dữ liệu sở hữu của người có liên quan để xác định tổng cộng / *Affiliated persons' holdings have not been provided for calculation of the combined total*.

10. Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện chứng quyền có bảo đảm */*Number, ownership percentage of underlying securities held after trading the covered warrants* *: Không áp dụng / *Not applicable*

11. Phương thức giao dịch / *Method of transaction*: Thỏa thuận / *Negotiated transactions*.

12. Thời gian thực hiện giao dịch / *Trading time*: 06/10/2026.

13. Lý do không hoàn tất giao dịch / *Reason for not completing the transaction*: Không áp dụng (đã mua đủ số lượng đăng ký) / *Not applicable (the full registered quantity was purchased)*.

*: Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở nắm giữ tại ngày báo cáo kết quả giao dịch/ *Number, ownership percentage of underlying securities held on the day of reporting the transaction results*: Không áp dụng / *Not applicable*

Nơi nhận / *Recipients*:

- Như trên / *As above*;
- Lưu: VT / *Archived: Office*.

CÁ NHÂN BÁO CÁO / REPORTING INDIVIDUAL

(Ký và ghi rõ họ tên / *Signature and full name*)

Nguyễn Khoa Đăng